

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1
MÔN CÔNG NGHỆ

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Nhu cầu dinh dưỡng là gì?

- A. là lượng thức ăn đủ cho vật nuôi ăn trong vòng một ngày đêm
- B. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm
- C. là lượng chất dinh dưỡng và vật nuôi cần để duy trì hoạt động sống và sản xuất ra sản phẩm trong một ngày đêm.
- D. đáp án khác.

Câu 2: Nhu cầu dinh dưỡng cho vật nuôi phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- A. loài, giống B. lứa tuổi C. đặc điểm sinh lý D. tất cả các phương án trên

Câu 3: Protein có tác dụng:

- A. Tổng hợp các hoạt chất sinh học B. Trao đổi chất
- C. Tính bằng UI D. Tổng hợp protit

Câu 4: Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng :

- A. Chỉ số dinh dưỡng B. Loại thức ăn C. Thức ăn tinh, thô D. Chất xơ, axit amin

Câu 5: Tiêu chuẩn ăn là gì

- A. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày
- B. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm
- C. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong hai ngày đêm
- D. đáp án khác

Câu 6: Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi quy định mức ăn cần cung cấp cho một vật nuôi trong:

- A. 1 đêm. B. 1 ngày. C. 1 ngày đêm. D. 2 ngày đêm.

Câu 7: Trong các chất sau, chất nào là chất dinh dưỡng giàu năng lượng nhất?

- A. Protein. B. Gluxit. C. Lipit. D. Vitamin.

Câu 8: Trong các chất khoáng sau chất nào không phải là chất khoáng vi lượng?

- A. Ca. B. Fe. C. Co. D. Tất cả đều đúng.

Câu 9: Tác dụng của Vitamin là:

- A. Điều hoà các quá trình trao đổi chất trong cơ thể. C. Tái tạo mô.
- B. Tổng hợp các chất sinh học. D. Tăng hấp thu chất dinh dưỡng.

Câu 10: Nhu cầu năng lượng của vật nuôi là gì

- A. được biểu thị bằng tỉ lệ % protein thô trong khẩu phần.
- B. được biểu thị bằng Kcal của năng lượng tiêu hóa (DE) hoặc năng lượng trao đổi (ME) hoặc năng lượng thuần (NE) tính trong một ngày đêm
- C. Khoáng đa lượng và khoáng vi lượng
- D. đáp án khác

Câu 11: Nhu cầu năng lượng của vật nuôi tùy thuộc vào những yếu tố nào?

- A. giai đoạn sinh trưởng và sức sản xuất B. loài, giống
- C. loài, giống, giai đoạn sinh trưởng và sức sản xuất D. sức sản xuất

Câu 12: Nhu cầu protein và amino acid là gì ?

- A. được biểu thị bằng Kcal của năng lượng tiêu hóa (DE) hoặc năng lượng trao đổi (ME) hoặc năng lượng thuần (NE) tính trong một ngày đêm
- B. Khoáng đa lượng và khoáng vi lượng

C. Nhu cầu protein được biểu thị bằng tỉ lệ % protein thô trong khẩu phần. Nhu cầu amino acid cũng được tính theo tỉ lệ % trong thức ăn.

D. đáp án khác

Câu 13: Loại thức ăn nào cung cấp năng lượng cho vật nuôi ?

A. Thóc gạo B. Ngô C. Cây khoai lang D. tất cả các đáp án đều đúng

Câu 14: Đây là nhóm thức ăn giàu protein cho vật nuôi?

A. hạt ngũ cốc và các loại củ B. bột xương, bột vỏ sò, bột đá
C. bột cá, bột thịt, đậu tương, khô dầu đậu tương, khô dầu lạc... D. đáp án khác

Câu 15: Các amino acid được sử dụng phổ biến trong chăn nuôi là ?

A. lysine, methionine B. threonine, tryptophan
C. histidine, valine D. tất cả các đáp án trên

Câu 16: Vai trò của khoáng trong cơ thể là?

A. tham gia cấu tạo tế bào, tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa trong cơ thể
B. chất xúc tác trong quá trình trao đổi chất
C. cung cấp năng lượng
D. dự trữ năng lượng

Câu 17: Khẩu phần ăn là gì?

A. là một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng
B. là một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi nhằm thỏa mãn tiêu chuẩn ăn.
C. là lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ năng lượng hoạt động trong một ngày đêm
D. là lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ dinh dưỡng theo chế độ dinh dưỡng ở từng giai đoạn phát triển.

Câu 18: Cho bảng sau:

Thành phần nguyên liệu		
Ngô: 54,22%	Khô dầu đỗ tương: 7,88%	Bột đá: 0,43%
Cám mạch: 21,03%	L-Tryptophan: 0,03%	Premix khoáng vi lượng: 0,25%
Cám gạo loại 1: 10%	L-Threonine: 0,13%	Premix vitamin: 0,25%
Dầu cá: 0,5%	DL- Methionine: 0,15%	DCP: 0,03%
Bột cá cao đạm (66,06% CP): 5%	L-Lysine HCl: 0,1%	
Thành phần dinh dưỡng		
Năng lượng trao đổi: 3 126 Kcal/kg	Ca: 0,54%	Methionine: 0,43%
Protein thô: 16,66%	P: 0,52%	Tryptophan: 0,23%
Lipid thô: 4,43%	Lysine: 0,93%	Độ ẩm: không vượt quá 14%

Thành phần nào trong khẩu phần ăn ở bảng trên đáp ứng nhu cầu năng lượng

A. Bột đá B. Khô dầu đỗ tương
C. Ngô, cám mạch, cám gạo loại 1 D. Bột cá cao đạm

Câu 19: Thức ăn chăn nuôi là:

A. Sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến
B. Bất cứ thứ gì mà vật nuôi có thể ăn, uống.
C. Yếu tố tiên quyết trong xây dựng mô hình chăn nuôi hiện đại
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 20: Thức ăn giàu năng lượng là các loại thức ăn có:

A. Hàm lượng carbohydrate là 100% và không có tạp chất khác.
B. Hàm lượng carbohydrate là 50%, lipid và protein mỗi loại là 25%
C. Hàm lượng xơ thô dưới 18%, protein thô dưới 20%
D. Hàm lượng xơ thô dưới 36%, protein thô dưới 40%

Câu 21: Thức ăn giàu protein là các loại thức ăn có:

- A. Hàm lượng protein thô trên 20%, xơ thô dưới 18%
- B. Hàm lượng protein tinh chất trên 20% và các chất không phải protein dưới 15%.
- C. Hàm lượng protein trên 90% và không chứa tạp chất.
- D. Hàm lượng protein trên 50%, carbohydrate và lipid dưới 25%.

Câu 22: Để sử dụng thức ăn thô tối ưu, cần:

- A. Chế biến và phối hợp với các loại thức ăn khác cho cân đối, đầy đủ dinh dưỡng, tăng tính ngon miệng và khả năng tiêu hoá, hấp thu của từng đối tượng vật nuôi
- B. Cho ăn ngay sau khi thu hoạch nông sản khô, không được để lâu.
- C. Ngâm tẩm trong các loại chất dinh dưỡng để duy trì và bảo quản.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 23: Chất bảo quản thức ăn, chất chống mốc là:

- A. Thức ăn bổ sung
- B. Thức ăn hỗ trợ hoàn chỉnh
- C. Phụ gia
- D. Thức ăn đậm đặc

Câu 24: Cám đậu xanh thuộc loại thức ăn nào sau đây?

- A. Thức ăn protein động vật
- B. Thức ăn protein thực vật
- C. Thức ăn protein có nguồn gốc từ vi sinh vật
- D. Thức ăn nhóm carbohydrate

Câu 25: Bột lông vũ cho vật nuôi được tạo ra như thế nào?

- A. Lông cánh và lông đuôi của gia cầm được ủ lạnh để khử sạch bẩn và vi khuẩn độc hại sau đó được xay thành bột.
- B. Lông cánh và lông đuôi của gia cầm được xử lý bằng acid trong các thiết bị đặc biệt dưới áp suất và nhiệt độ cao. Các protein không được tiêu hoá của lông bị thủy phân thành các amino acid mà vật nuôi có thể sử dụng.
- C. Bột lông vũ được tạo ra thông qua quá trình tái tạo lại các chất có giá trị trong lông của gia cầm.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 26: Câu nào sau đây **không** đúng về thức ăn thô khô và xác vỏ?

- A. Thức ăn thô khô và xác vỏ bao gồm các loại cỏ tự nhiên, cỏ trồng thu cắt và các loại phụ phẩm của cây trồng đem phơi, sấy khô (cỏ khô, rơm khô, vỏ trấu, thân cây lạc khô, vỏ đậu, lõi ngô khô,...).
- B. Thức ăn thô khô và xác vỏ thường giàu chất xơ (tỉ lệ xơ thô trên 18%), ít dinh dưỡng, mật độ năng lượng thấp, khi sử dụng cần chế biến, xử lý để tăng hiệu quả.
- C. Thức ăn thô khô và xác vỏ chủ yếu cung cấp xơ, ít năng lượng, khi chế biến hợp lí sẽ tăng hiệu quả sử dụng.
- D. Thức ăn thô khô, xác vỏ dùng làm thức ăn đảm bảo dinh dưỡng cho mọi loại vật nuôi.

Câu 27: Câu nào sau đây **không** đúng về thức ăn xanh?

- A. Thức ăn xanh bao gồm thân, lá của một số cây, cỏ trồng hoặc mọc tự nhiên, các loại rau xanh,... sử dụng ở dạng tươi (cắt cho ăn tại chuồng hoặc chăn thả trên cánh đồng).
- B. Thức ăn xanh chứa nhiều nước (40 – 50%), nhiều chất xơ, giàu vitamin (carotene, vitamin nhóm B,...); hàm lượng dinh dưỡng cao nhưng khó tiêu hoá và không thích ứng với nhiều loại vật nuôi.
- C. Thức ăn xanh là nguồn nguyên liệu để chế biến cỏ khô, bột cỏ, thức ăn ủ chua,... cho gia súc nhai lại.
- D. Thức ăn xanh được sử dụng cho nhiều loài vật nuôi như: trâu, bò, lợn, gà,...

Câu 28: Dưới đây là thành phần dinh dưỡng của một số loại thức ăn thô, xanh. Ý nào **không** đúng?

- A. Cây ngô non (thân, lá): vật chất khô – 13.1%, protein thô – 1.4%, lipid – 0.4%
- B. Cỏ voi non (thân, lá): vật chất khô – 11.8%, protein thô – 2.2%, lipid – 0.4%

C. Cây ngô ngâm sữa (bắp, thân, lá): vật chất khô – 21.4%, protein thô – 2.5%, lipid – 0.7%

D. Cây lạc (thân, lá ủ tươi): vật chất khô – 49.1%, protein thô – 7.4%, lipid – 10.1%

Câu 29: Câu nào sau đây **không** đúng về thức ăn bổ sung?

A. Thức ăn bổ sung là các chất thêm vào khẩu phần ăn nhằm mục đích cải thiện chất lượng sản phẩm, hỗ trợ bảo quản, duy trì chất lượng thức ăn; ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ bệnh tật cho vật nuôi.

B. Thức ăn bổ sung dinh dưỡng gồm các amino acid, nitrogen phi protein, vitamin, chất khoáng,... Ví dụ: bổ sung premix khoáng, vitamin, giúp cân bằng khoáng – vitamin và nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn.

C. Thức ăn bổ sung với mục đích hỗ trợ tiêu hoá, phòng bệnh (enzyme, probiotics, thảo dược,...). Ví dụ: bổ sung các chế phẩm probiotics trong thức ăn giúp cải thiện sự cân bằng hệ vi khuẩn đường ruột, nâng cao khả năng tiêu hoá, hấp thu thức ăn và phòng bệnh cho vật nuôi.

D. Thức ăn bổ sung thảo dược giúp nâng cao sức đề kháng, tăng cường chức năng gan và hỗ trợ tiêu hoá.

Câu 30: Lượng protein của thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái giai đoạn hậu bị (30 – 60 kg) là bao nhiêu?

A. Khoảng 90%

B. Khoảng 70%

C. Khoảng 40%

D. Khoảng 20%

Câu 31: Dưới đây là một số bước của quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh. Ý nào **không** đúng?

A. Hấp chín: Các loại nguyên liệu được hấp chín bằng hệ thống hơi nước và chuyển sang hệ thống ép viên.

B. Ép viên: Kích thước viên được điều chỉnh phù hợp với từng loại vật nuôi và giai đoạn sinh trưởng. Viên sau khi ép được làm nguội để duy trì ổn định thành phần và giá trị dinh dưỡng, giữ hương vị và độ tươi của thức ăn.

C. Sàng: Thức ăn viên được sàng lọc theo kích thước tiêu chuẩn trước khi chuyển vào bồn chứa riêng để đóng gói.

Câu 32: Vì sao các chất kích thích tăng trưởng hay còn gọi là “chất tạo nạc” bị cấm trong chăn nuôi?

A. Vì khi bổ sung các chất này trong thức ăn có thể dẫn đến tình trạng tồn dư trong thịt, ảnh hưởng tới sức khoẻ người tiêu dùng.

B. Vì các chất này khiến cho thịt động vật mất ngon, làm cho người tiêu dùng giảm ham muốn ăn thịt.

C. Vì các chất này làm cho lượng các chất khác protein giảm đáng kể, ảnh hưởng đến tổng thể chất lượng của thực phẩm.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 33: Câu nào sau đây **không** đúng về thức ăn hỗn hợp?

A. Thức ăn hỗn hợp là thức ăn được chế biến, phối hợp từ nhiều loại nguyên liệu theo những công thức đã được tính toán, nhằm đáp ứng nhu cầu của vật nuôi theo từng giai đoạn phát triển và mục đích sản xuất.

B. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh là hỗn hợp của các nguyên liệu thức ăn được phối chế, có đủ chất dinh dưỡng để duy trì hoạt động sống và khả năng sản xuất của vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng hoặc chu kỳ sản xuất mà không cần thêm thức ăn khác ngoài nước uống.

C. Thức ăn đậm đặc là hỗn hợp thức ăn mà lượng vật chất khô rất ít nhưng lượng chất dinh dưỡng thông qua chế biến lại rất cao. Loại thức ăn này nhằm hỗ trợ vật nuôi trong những tình huống quan trọng.

D. Thức ăn đậm đặc cung cấp năng lượng, protein, khoáng, vitamin ở dạng đậm đặc, còn có thể bổ sung thêm kháng sinh và thuốc phòng bệnh.

Câu 34: Sản xuất thức ăn cho vật nuôi đóng vai trò then chốt trong ngành chăn nuôi do:

- A. Thức ăn chăn nuôi chiếm 60 – 70% chi phí sản xuất.
- B. Sản xuất thức ăn chăn nuôi là một ngành công nghiệp mang lại lợi nhuận cao.
- C. Sản xuất thức ăn đòi hỏi quy trình công nghệ vô cùng tân tiến, chỉ cần một chút gián đoạn có thể làm ảnh hưởng đến toàn ngành chăn nuôi.
- D. Cả A và B.

Câu 35: Thức ăn ủ men được sản xuất bằng phương pháp:

- A. Dùng men kết hợp với các enzyme tự nhiên trong thực phẩm.
- B. Lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn,... với nấm men.
- C. Bào hoà các chất kết dính trong các nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn,... với nấm men
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 36: Cách kiểm tra độ ẩm nhanh khi thực hành phương pháp ủ men tinh bột: nắm chặt nguyên liệu sau khi phối trộn và bỏ sung nước trong lòng bàn tay sau đó mở tay ra. Nguyên liệu chưa đủ ẩm sẽ:

- A. Đóng cục không như mong muốn
- B. Tơi, rời nhau
- C. Dính chặt vào lòng bàn tay
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 37: Khi ủ men bột sắn thì khi ủ xong phải có màu gì?

- A. Vàng nâu
- B. Vàng ươm
- C. Vàng rơm
- D. Trắng xám

Câu 38: Thức ăn chăn nuôi công nghiệp gồm hai loại, đó là:

- A. Thức ăn chuyên công nghiệp và thức ăn bán công nghiệp
- B. Thức ăn nông nghiệp và thức ăn thuỷ sản
- C. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 39: Trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh ở quy mô công nghiệp, công việc nào cần làm trước công việc “hấp chín bằng hệ thống hơi nước”?

- A. Phối trộn các nguyên liệu theo công thức tính toán sẵn
- B. Ép viên, làm nguội
- C. Sàng phân loại viên
- D. Chuyển vào bồn chứa

Câu 40: Hiện nay các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp hiện đại đang hướng đến tiêu chí 3 “không”:

- A. Không tiền, không nói chuyện, không giải quyết vấn đề.
- B. Không ăn, không uống, không làm sao.
- C. Không bụi, không mùi và không chất thải.
- D. Không chất cấm, không ô nhiễm môi trường, không phá sản.

Câu 41: Đâu **không** phải ý nghĩa của việc bảo quản thức ăn chăn nuôi?

- A. Đảm bảo chất lượng thức ăn, giúp thức ăn giữ được giá trị dinh dưỡng, giảm thiệt hại do hư hỏng và an toàn cho vật nuôi.
- B. Tăng sức cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.
- C. Dự trữ thức ăn trong thời gian cho phép.
- D. Tiết kiệm chi phí thức ăn.

Câu 42: Thức ăn ủ chua sau 3 – 4 tuần phải đạt được yêu cầu gì thì mới được coi là đạt yêu cầu?

- A. Có màu vàng rơm hoặc vàng nâu, mềm, không nhũn nát, mùi chua nhẹ, không mốc, không mùi lạ
- B. Có màu vàng rơm hoặc vàng nâu, cứng chắc, mùi hắc, không mốc.
- C. Có màu trắng vàng, mềm, không nhũn, không mốc, có mùi thơm thoang thoang.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 43: Điều **không** phải một dụng cụ cần thiết để thực hành phương pháp ủ chua thức ăn thô, xanh?

- A. Bình nhựa dung tích 2 – 5l hoặc túi nylon chứa được 2 – 5 kg. B. Dao, thớt băm cỏ
C. Máy đo pH D. Dung dịch lactic

Câu 44: “Trộn đều nguyên liệu với men giống theo tỉ lệ 1 kg men giống cho 200 kg thức ăn” là nằm trong bước nào của quy trình ủ men nguyên liệu thức ăn tinh bột?

- A. Chuẩn bị nguyên liệu B. Xử lí C. Tiến hành ủ D. Bảo quản

Câu 45: Ở bước xử lí nguyên liệu khi thực hành phương pháp ủ men tinh bột, bánh men rượu gạo cần được:

- A. Nghiền nhỏ, rây loại bỏ trấu B. Nghiền nát bột thành bột mịn
C. Rang lại để tăng tính khả năng chống chịu D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 46: Để bảo quản rơm lúa sau khi thu cắt bằng phương pháp phơi khô thì ta làm thế nào?

- A. Cho vật nuôi ăn ngay lập tức, càng nhanh càng tốt.
B. Phơi khô rơm lúa một cách tự nhiên và đóng bánh hoặc cuộn thành khối, sau đó bảo quản trong kho hoặc nơi cao ráo có mái che và khô thoáng.
C. Phơi khô rơm lúa ở trong lò nung và đóng thành tảng để duy trì dưỡng chất, sau đó bảo quản ở nơi có nhiệt độ cao, khô thoáng
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 47: Đây là một phương pháp bảo quản thức ăn thô?

- A. Bảo quản bằng phương pháp oxi hoá – khử B. Bảo quản bằng phương pháp đóng băng
C. Bảo quản bằng phương pháp vôi hoá D. Bảo quản bằng phương pháp kiềm hoá

Câu 48: Câu nào sau đây đúng về phương pháp ủ chua thức ăn?

- A. Thức ăn ủ chua được sản xuất bằng phương pháp lên men acid sulfuric bởi các acid amin có sẵn trong tự nhiên.
B. Acid amin lên men đường trong thức ăn sản sinh lactic acid và các acid hữu cơ khác làm giảm pH của thức ăn, giúp thức ăn chuyển sang trạng thái “chín sinh học” và bảo quản được trong thời gian dài.
C. Có thể sử dụng thêm một số nguyên liệu và phụ gia để giúp quá trình lên men tốt hơn như: rỉ mật, cám gạo, bột ngô hay các enzyme phân giải xơ hoặc sử dụng giống khởi động (chế phẩm vi khuẩn lactic thương mại).
D. Ở các trang trại chăn nuôi quy mô lớn, thức ăn được ủ chua lộ thiên trên nông trường.

Câu 49: Cho các hoạt động sau:

- Phơi 1 – 2 ngày nếu hàm lượng nước lớn hơn 75%.
- Băm nhỏ 3 – 5 cm để nén được chặt - tạo điều kiện yếm khí.
- Bổ sung rỉ mật đường hoặc tinh bột.

Các hoạt động này thuộc bước nào của quy trình ủ chua thức ăn thô, xanh?

- A. Chuẩn bị nguyên liệu B. Xử lí nguyên liệu C. Ủ chua D. Sử dụng

Câu 50: Đây là công thức ủ chua thức ăn thô, xanh hợp lí?

- A. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.05 kg muối + 2 kg đường hoặc rỉ mật.
B. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.5 kg muối + 0.2 kg đường hoặc rỉ mật.
C. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.05 kg muối + 0.2 kg đường hoặc rỉ mật.
D. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.5 kg muối + 2 kg đường hoặc rỉ mật.

Câu 51: Bảo quản bằng phương pháp ủ chua: Thức ăn thô, xanh được ủ chua trong túi, trong silo hoặc hào ủ. Lactic acid sinh ra trong quá trình ủ chua sẽ:

- A. Ức chế các vi sinh vật gây hư hỏng, gây bệnh, giúp kéo dài thời gian bảo quản thức ăn 3 – 6 tháng
B. Làm gia tăng lượng vi sinh vật có lợi nhằm duy trì tính nguyên vẹn của thức ăn từ 3 – 6 tháng.

C. Phủ lên bề mặt thức ăn một lớp bảo vệ nhằm chống lại sự tác động của môi trường xung quanh, giúp duy trì thức ăn được lâu hơn.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 52: Câu nào sau đây **không** đúng về bảo quản thức ăn chăn nuôi?

A. Các nguyên liệu thức ăn như cám gạo, cám mì, ngô, sắn lát,... sử dụng trong sản xuất thức ăn công nghiệp được bảo quản thông qua việc kiểm soát với urea hoặc nước vôi trong 7 – 10 ngày.

B. Các nguyên liệu giàu protein (bột cá, bột thịt,...), premix và phụ gia được bảo quản trong kho có kiểm soát nhiệt độ thấp hơn 25 °C để tránh ảnh hưởng tới chất lượng thức ăn.

C. Nguyên liệu dạng lỏng (dầu, mỡ, rỉ mật,...) được bảo quản trong các thùng hay các bình chứa lớn và được bảo quản ở khu vực riêng.

D. Thức ăn công nghiệp sau khi sản xuất được bảo quản trong kho thành phẩm của cơ sở sản xuất. Các bao thức ăn được bảo quản trên kệ gỗ, cách mặt nền 30 – 40 cm, cách tường 0.7 – 1 m. Kho bảo quản cần thông thoáng tốt, nhiệt độ dưới 30 °C, độ ẩm dưới 70%.

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1:

a. Trình bày vai trò của khoáng đối với vật nuôi. Nhu cầu khoáng của vật nuôi phụ thuộc vào yếu tố nào?

b. Khi gà bị thiếu vitamin K thường có các triệu chứng gì? Nêu biện pháp phòng bệnh khi gà bị thiếu vitamin K.

Câu 2:

a. Nêu khái niệm khẩu phần ăn cho vật nuôi?

b. Tại sao khi xây dựng khẩu phần ăn người ta thường kết hợp nhiều loại thức ăn giàu protein với nhau?

c. Hãy lấy ví dụ tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của một vật nuôi mà em biết.

Câu 3:

a. Trình bày vai trò của khoáng đối với vật nuôi. Nhu cầu khoáng của vật nuôi phụ thuộc vào yếu tố nào?

b. Nêu một vài biện pháp khi lợn bị thiếu Sắt.

Câu 4:

a. Nêu vai trò của thức ăn bổ sung và phụ gia đối với vật nuôi.

b. Khi nào cần sử dụng thức ăn bổ sung cho vật nuôi?

Câu 5:

a. Thức ăn thô, xanh phù hợp với những loại vật nuôi nào?

b. Hãy giải thích thành phần dinh dưỡng của từng loại thức ăn thô, xanh.

c. Về mùa đông, mùa khô, thức ăn xanh thường rất thiếu, vậy làm thế nào để có nhiều thức ăn cho trâu, bò vào những mùa này?

Câu 6:

a. Các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi.

b. Thức ăn chăn nuôi công nghiệp được sản xuất ở dạng nào?

c. Tại sao lại nói sản xuất thức ăn cho vật nuôi đóng vai trò then chốt trong ngành chăn nuôi?

Câu 7:

a. Lượng thức ăn ủ chua phụ thuộc vào những yếu tố nào?

b. Khi ủ chua thức ăn thô, xanh, hổ ủ hoặc túi ủ cần phải được đậy kín hoặc buộc kín để làm gì?

c. Để cải thiện chất lượng thức ăn ủ chua, chúng ta cần phải làm gì?

Câu 8:

- a) Nêu ý nghĩa của việc bảo quản thức ăn chăn nuôi.
- b) Trình bày những yêu cầu của phương pháp bảo quản thức ăn công nghiệp.
- c) Vì sao cần phải kiểm soát chất lượng trong toàn bộ chuỗi sản xuất từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm?